

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/KDTM-ST

Ngày: 23/12/2019.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng góp vốn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Trung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2016/TLDS-KTST ngày 29 tháng 3 năm 2016 về việc: “ Tranh chấp hợp đồng góp vốn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 364/2019/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 293/2019/QĐST-KDTM ngày 29/11/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1945.

Địa chỉ: Số 882B Huỳnh Tấn Ph, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Đặng Văn Ng, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ liên lạc: Số 04 Trần Quang D, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền ngày 09 tháng 11 năm 2019).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Tài chính Đầu tư C V.

Địa chỉ: Số 38 đường Bình M, ấp M, xã N, huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hải Ch, Giám đốc Công ty Cổ phần Tài chính Đầu tư C V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ U, sinh năm 1954 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ liên lạc: Số 38 đường Bình M, ấp M, xã N, huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/9/2014, ông Nguyễn Văn T đã ký hợp đồng góp vốn với Công ty Cổ phần Tài chính Đầu tư C V (gọi tắt là Công ty), theo đó ông T góp 150.000.000 đồng nhằm mục đích mở rộng sản xuất kinh doanh trong thời hạn 24 tháng, lợi nhuận khoán là 3%/tháng, thanh toán lợi nhuận 03 tháng/lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã chuyển đủ 150 triệu đồng cho Công ty và Công ty đã chuyển lợi

nhuận cho ông T 03 lần lợi nhuận, tổng cộng là 40.500.000 đồng. Như vậy tính đến tháng 01/2016, Công ty còn thiếu ông T khoản lợi nhuận là 31.500.000 đồng.

Ngày 15/11/2014, ông T tiếp tục ký hợp đồng góp vốn với Công ty, theo đó ông T góp 900.000.000 đồng trong thời hạn 12 tháng, lợi nhuận khoán là 2,5%/tháng, thanh toán 02 tháng/lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã chuyển đủ 900 triệu đồng cho Công ty và Công ty đã chuyển lợi nhuận cho T 02 lần, tổng cộng là 90 triệu đồng. Như vậy tính đến tháng 01/2016, trong hợp đồng này Công ty còn thiếu ông T khoản lợi nhuận là 225 triệu đồng.

Do Công ty không thanh toán đúng thỏa thuận trong hợp đồng góp vốn nên ông T khởi kiện yêu cầu Công ty trả số tiền vốn góp và lãi tính đến tháng 01/2016 tổng cộng là 1.306.500.000 đồng (gốc 1.050.000.000 đồng và 256.500.000 đồng tiền lãi).

Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Công ty Cổ phần Tài chính Đầu tư C V thừa nhận có nhận vốn góp của ông Nguyễn Văn T 02 lần tổng cộng là 1.050.000.000 đồng. Công ty đồng ý trả lại số tiền vốn góp trên và tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng, hiện nay Công ty kinh doanh thua lỗ nên đề nghị được trả dần 30 triệu đồng/tháng cho đến khi hết số tiền gốc và lãi theo lãi suất ngân hàng nhà nước quy định.

Tại phiên tòa ngày hôm nay:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn góp gốc và lãi là 1.306.500.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện bị đơn có đơn xin vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự về: thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ, hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp, thủ tục tổng đạt; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều: 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, cần rút kinh nghiệm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trả vốn gốc là 1.050.000.000 đồng, tiền lãi tính theo lãi suất cơ bản nhân với 150%.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến đồng ý với phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, đồng ý tính tiền lợi nhuận khoán theo mức lãi suất cơ bản nhân với 150% tính từ tháng 9/2014 đến tháng 01/2016 đối với hợp đồng góp vốn 150.000.000 đồng và tính từ tháng 11/2014 đến tháng 01/2016 đối với hợp đồng góp vốn 900.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, Tòa án đã thụ lý vụ kiện có mối quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng góp vốn”. Bị đơn trong vụ kiện là Công ty Cổ phần Tài chính Đầu tư C V có trụ sở tại số 38 đường Bình M, ấp M, xã N, huyện P,

Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Xét thấy trong vụ kiện này, mặc dù nguyên đơn cho rằng các hợp đồng góp vốn ngày 05/9/2014, 15/11/2014 thực sự là hợp đồng vay tài sản nhưng theo bị đơn trình bày thì không phải hợp đồng vay tài sản mà là hợp đồng góp vốn. Theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ đã thể hiện đây là hợp đồng góp vốn, không phải hợp đồng vay tài sản. Theo quy định thì tranh chấp giữa các bên mà cả hai đều có mục đích lợi nhuận nhưng chỉ có một bên có đăng ký kinh doanh thì được xác định là tranh chấp về kinh doanh thương mại. Do đó, đây là vụ kiện tranh chấp về kinh doanh thương mại được quy định tại Khoản 5 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét bà Phạm Thị H là vợ ông Nguyễn Văn T có văn bản cam kết số tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần Tài chính Đầu tư Chu Việt là tài sản riêng của ông T nên Tòa án không đưa vợ ông T vào tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Theo các Hợp đồng góp vốn ngày 05/9/2014, ngày 15/11/2014 thì ông T có góp vốn vào Công ty Cổ phần Tài chính Đầu tư Chu Việt số tiền là 1.050.000.000 đồng, thời hạn góp vốn là 24 tháng và 12 tháng, lợi nhuận khoán gọn là 3%/tháng và 2,5%/tháng, mục đích là mở rộng sản xuất kinh doanh, thanh toán lợi nhuận 03 tháng và 02 tháng/lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, cam kết không rút vốn trước thời hạn.

Căn cứ vào các bản khai, biên bản hòa giải và công khai chứng cứ, bị đơn đã thừa nhận có việc góp vốn của ông T với nội dung nêu trên và đồng ý trả lại số tiền vốn góp là 1.050.000.000 đồng cho nguyên đơn. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, đại diện bị đơn đề nghị xem xét giảm số tiền lãi suất của lợi nhuận khoán đã ghi trong hợp đồng góp vốn, đề nghị được trả tiền lợi nhuận khoán theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định, đồng thời đề nghị được trả dần 30.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết số tiền gốc và lãi.

Xét tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý tính số tiền lợi nhuận khoán như sau: lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước x 150% x số tháng (tính đến tháng 01/2016) x số tiền vốn gốc.

Vậy số tiền lợi nhuận khoán của từng hợp đồng góp vốn như sau:

- Hợp đồng góp vốn ngày 05/9/2014: $9\%/năm \times 150\% \times 07 \text{ tháng} (16 \text{ tháng} - 09 \text{ tháng đã nhận lợi nhuận khoán}) \times 150.000.000 \text{ đồng} = 11.812.500 \text{ đồng}$.

- Hợp đồng góp vốn ngày 15/11/2014: $9\%/năm \times 150\% \times 10 \text{ tháng} (14 \text{ tháng} - 04 \text{ tháng đã nhận lợi nhuận khoán}) \times 900.000.000 \text{ đồng} = 101.250.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng $11.812.500 \text{ đồng} + 101.250.000 \text{ đồng} = 113.062.500 \text{ đồng}$.

Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét trong quá trình giải quyết, bị đơn đề nghị được trả dần số tiền gốc và lãi 30.000.000 đồng/tháng, nguyên đơn không đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy ngày góp vốn là từ 05/9/2014 và 15/11/2014 cho đến ngày xét xử 23/12/2019 đã lâu, nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền vốn góp nào, do đó nếu kéo dài việc trả dần sẽ

ảnh hưởng lớn đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, cần buộc bị đơn trả số tiền vốn góp và lãi một lần là phù hợp với quy định.

Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận là bị đơn có thanh toán cho nguyên đơn tiền lợi nhuận khoán là 31.500.000 đồng + 90.000.000 đồng = 121.500.000 đồng. Đây là khoản lợi nhuận khoán mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng góp vốn, không phải là lãi suất tiền vay, đồng thời các đương sự không có yêu cầu gì, do đó Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải căn trừ số tiền chênh lệch do tính lại tiền lãi theo quy định của Ngân hàng nhà nước.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 5 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 3 Điều 4, Khoản 1 Điều 297, Điều 298; Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 286, Điều 290, Điều 388 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Văn T.

Buộc Công ty Cổ phần Tài chính Đầu tư C V phải trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 1.163.062.500 (một tỷ một trăm sáu mươi ba nghìn không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng, trong đó số tiền gốc là 1.050.000.000 đồng và số tiền lợi nhuận khoán là 113.062.500 đồng.

Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty Cổ phần Tài chính Đầu tư C V không thanh toán tiền theo thời hạn nêu trên thì hàng tháng, Công ty Cổ phần Tài chính Đầu tư C V còn phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 46.891.876 (bốn mươi sáu triệu tám trăm chín mươi một nghìn tám trăm bảy mươi sáu) đồng buộc Công ty Cổ phần Tài chính Đầu tư C V phải nộp.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.165.500 (hai mươi lăm triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu số 0002880 ngày 29/3/2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Duy Trung